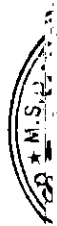


**CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI PHÚ NHUẬN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI PHÚ NHUẬN

Địa chỉ: Số 82 Trần Huy Liệu, Phường 15,
Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1 - 2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

3 - 4

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Bảng cân đối kế toán riêng

5 - 6

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

7

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

8 - 9

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng

10 - 37

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI PHÚ NHUẬN

Địa chỉ: Số 82 Trần Huy Liệu, Phường 15,
Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Phú Nhuận (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Điệp	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung	Phó Chủ tịch
Ông Hà Tiến Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Thắng	Thành viên
Ông Lê Quang Toàn	Thành viên
Ông Nhữ Đình Tuyển	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thùy Trang	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Ngọc	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thu Nga	Thành viên
Bà Trần Thị Hạnh Tiên	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Điệp	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hà Tiến Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nhữ Đình Tuyển	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI PHÚ NHUẬN

Địa chỉ: Số 82 Trần Huy Liệu, Phường 15,
Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, ngoại trừ vấn đề được nêu trong báo cáo kiểm toán kèm theo, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Điệp
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Số: 17.294/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng Quản trị**
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI PHÚ NHUẬN

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Phú Nhuận (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2016 từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty chưa trích lập đầy đủ dự phòng các khoản trả trước cho người bán với số dự phòng ước tính là 32,6 tỷ đồng. Như vậy, nếu các khoản dự phòng phải thu nêu trên được ghi nhận đầy đủ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm thì khoản mục Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ tăng là 32,6 tỷ đồng và khoản mục Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sẽ giảm đi một khoản tương ứng. Đồng thời, khoản mục Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Bảng báo cáo kết quả kinh doanh sẽ giảm đi một khoản tương ứng là 32,6 tỷ đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Phú Nhuận tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0172-2016-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Huỳnh Thị Ngọc Trinh
Kiểm toán viên

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
2124-2016-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI PHÚ NHUẬNĐịa chỉ: Số 82 Trần Huy Liệu, Phường 15,
Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 01 - DN**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		142.126.513.048	165.542.988.085
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	19.279.273.856	11.724.822.403
1. Tiền	111		9.779.273.856	4.224.822.403
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.500.000.000	7.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	1.474.705.450	1.822.795.600
1. Chứng khoán kinh doanh	121		3.111.402.400	3.673.530.650
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(1.636.696.950)	(1.850.735.050)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		102.709.581.429	125.370.669.633
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	1.345.977.605	1.520.163.057
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	85.839.527.445	93.984.618.115
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	9.027.039.472	7.176.549.472
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	15.600.784.304	23.684.304.289
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(9.103.747.397)	(994.965.300)
IV. Hàng tồn kho	140		14.991.944.764	12.460.629.001
1. Hàng tồn kho	141	5.8	14.991.944.764	12.460.629.001
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.671.007.549	14.164.071.448
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.12	1.882.589.498	11.646.044.603
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.786.418.051	2.516.026.845
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		2.000.000	2.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		107.869.143.428	141.131.273.103
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	1.358.903.405
1. Phải thu dài hạn khác	216		-	1.358.903.405
II. Tài sản cố định	220		97.538.843.669	107.514.196.864
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	97.538.843.669	107.514.196.864
Nguyên giá	222		115.118.379.709	121.846.055.574
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.579.536.040)	(14.331.858.710)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.10	2.427.120.349	2.602.105.513
1. Nguyên giá	231		5.891.437.957	5.891.437.957
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(3.464.317.608)	(3.289.332.444)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		880.254.545	10.428.346.841
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	880.254.545	10.428.346.841
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	5.400.000.000	5.950.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		4.400.000.000	4.950.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.000.000.000	1.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.622.924.865	13.277.720.480
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	1.592.024.865	13.277.720.480
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	6.11	30.900.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		249.995.656.476	306.674.261.188

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI PHÚ NHUẬNĐịa chỉ: Số 82 Trần Huy Liệu, Phường 15,
Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		119.292.577.951	183.217.455.861
I. Nợ ngắn hạn	310		75.764.414.966	133.815.186.642
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311		896.518.222	206.212.050
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	1.678.400.706	3.354.066.826
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	16.614.387.844	3.392.896.615
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		649.735.426	650.386.681
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		11.999.999	8.909.092
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	17.909.068.464	89.907.408.410
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	36.182.800.000	36.205.964.845
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.730.000.000	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		91.504.305	89.342.123
II. Nợ dài hạn	330		43.528.162.985	49.402.269.219
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		37.500.000	87.500.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	8.349.812.000	7.480.092.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	35.140.850.985	40.521.250.985
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	6.11	-	1.313.426.234
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		130.703.078.525	123.456.805.327
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17.1	130.703.078.525	123.456.805.327
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.17.2	90.000.000.000	90.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		90.000.000.000	90.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		17.460.553.509	17.544.053.509
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	5.17.5	7.206.775.834	7.206.775.834
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	5.17.5	204.006.065	204.006.065
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.831.743.117	8.501.969.919
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		2.661.249.491	2.471.727.435
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.170.493.626	6.030.242.484
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		249.995.656.476	306.674.261.188



Nguyễn Văn Điệp
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Trần Xuân Ánh
Kế toán trưởng

Ngô Ngọc Lâm
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI PHÚ NHUẬNĐịa chỉ: Số 82 Trần Huy Liệu, Phường 15,
Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

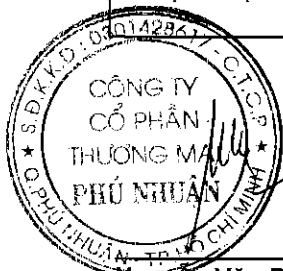
Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	242.927.326.648	120.968.884.040
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		242.927.326.648	120.968.884.040
3. Giá vốn hàng bán	11	6.2	144.203.393.680	67.253.722.298
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		98.723.932.968	53.715.161.742
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	911.880.768	925.671.724
6. Chi phí tài chính	22	6.4	14.878.793.659	1.737.605.439
Trong đó, chi phí lãi vay	23		14.604.484.627	1.265.280.358
7. Chi phí bán hàng	25	6.5	31.109.516.541	34.796.031.593
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	22.413.920.394	8.068.660.813
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31.233.583.142	10.038.535.621
10. Thu nhập khác	31	6.7	4.988.218.175	247.644.229
11. Chi phí khác	32	6.8	13.434.467.267	45.584.012
12. Lợi nhuận khác	40		(8.446.249.092)	202.060.217
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22.787.334.050	10.240.595.838
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	10.109.910.083	2.478.329.030
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.11	(1.344.326.234)	(187.975.676)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.021.750.201	7.950.242.484



Nguyễn Văn Điệp

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Trần Xuân Ánh

Kế toán trưởng

Ngô Ngọc Lâm

Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		22.787.334.050	10.240.595.838
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	6.9	7.165.557.481	2.606.687.914
Các khoản dự phòng	03		9.624.743.997	54.774.301
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	6.3	(11.684.796)	(716.580)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(976.325.560)	(176.419.470)
Chi phí lãi vay	06	6.4	14.604.484.627	1.265.280.358
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		53.194.109.799	13.990.202.361
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		25.705.938.902	(11.906.479.335)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.531.315.763)	(10.023.862.778)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(72.278.297.095)	43.712.074.945
Tăng giảm chi phí trả trước	12		12.965.534.556	2.405.444.548
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		562.128.250	(236.679.055)
Tiền lãi vay đã trả	14		(6.120.868.463)	(9.608.421.856)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.14	(3.529.501.013)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		9.548.092.296	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.872.058.246)	(1.962.331.440)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		15.643.763.223	26.369.947.390
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.112.399.000)	(8.809.313.996)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		4.597.169.091	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(1.850.490.000)	(2.176.549.472)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		438.564.474	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		142.065.649	176.419.470
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.214.910.214	(10.809.443.998)

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI PHÚ NHUẬNĐịa chỉ: Số 82 Trần Huy Liệu, Phường 15,
Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 03 - DN

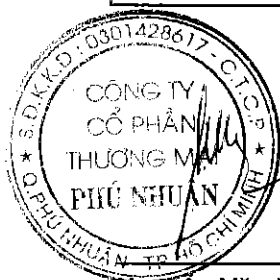
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	42.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	7.1	59.158.419.646	136.766.456.684
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(64.561.984.491)	(197.426.270.387)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36	5.17.3	(4.901.256.575)	(3.360.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.304.821.420)	(22.019.813.703)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		7.553.852.017	(6.459.310.311)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		11.724.822.403	18.183.416.134
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		599.436	716.580
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	5.1	19.279.273.856	11.724.822.403



Nguyễn Văn Điệp

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Trần Xuân Ánh

Kế toán trưởng

Ngô Ngọc Lâm

Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thương mại Phú Nhuận (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Thương mại Phú Nhuận, được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002394 ngày 11 tháng 06 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301428617 ngày 18 tháng 11 năm 2015.

Ngày 18 tháng 01 năm 2010, Công ty chính thức được cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Quyết định số 498/UBCK-GCN ngày 18 tháng 01 năm 2010 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Giấy chứng nhận mới nhất số 21/GCN-UBCK ngày 25 tháng 04 năm 2015.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 90 tỷ đồng, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Bến Thành	Việt Nam	27.540.000.000	30,6	27.540.000.000	30,6
Các cổ đông khác	Việt Nam	62.460.000.000	69,4	62.460.000.000	69,4
Cộng		90.000.000.000	100	90.000.000.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 82 Trần Huy Liệu, Phường 15, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 162 (31/12/2015: 222).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Nhà hàng; Bán buôn thực phẩm, nông, lâm sản; Cho thuê nhà xưởng, văn phòng, cửa hàng, quầy hàng; Kinh doanh nhà và bất động sản.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Dịch vụ kho bãi; Cho thuê nhà xưởng, văn phòng, cửa hàng, quầy hàng; Kinh doanh nhà; Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ linh động và các ngành nghề được quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có các công ty con và liên kết như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con:				
Công ty Cổ phần Việt Mỹ	Lô Số 23, Khu Công nghiệp Sông Hậu, Huyện Lai Vung, Tỉnh Đồng Tháp	55%	55%	55%
Công ty liên kết:				
Công ty Cổ phần Phú Hưng Thịnh Gia Lai	Thôn 1, Xã La Pal, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai	33%	33%	33%

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2016 gồm:

Tên	Địa chỉ
Nhà hàng Tiệc cưới - Hội nghị Phú Nhuận	Số 124 Phan Đăng Lưu, Phường 03, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
Nhà hàng Hoa Viên Tri Kỷ	Số 123 Hồng Hà, Phường 09, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Phú Nhuận Plaza	Số 82 Trần Huy Liệu, Phường 15, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ**2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****4.1. Ngoại tệ**

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ/ tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4.4. Đầu tư tài chính***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm: Giá mua và các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác******Đầu tư vào công ty con***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính***Đối với các khoản đầu tư chứng khoán***

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.5. Các khoản phải thu***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi cân trừ với các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6. Hàng tồn kho***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Năm 2016
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50 năm
▪ Máy móc thiết bị	04 – 09 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm

4.8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Thời gian khấu hao ước tính cho nhà cửa, vật kiến trúc là từ 05 đến 50 năm.

Khi thanh lý/bán bất động sản đầu tư, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến công cụ, dụng cụ xuất dùng và các chi phí khác chờ phân bổ. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12. Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

4.13. Vốn chủ sở hữu***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.14. Doanh thu, thu nhập khác***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.15. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, lỗ tỷ giá hối đoái.

4.17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng; chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

4.18. Thuế***Thuế thu nhập doanh nghiệp******Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Hàng nông sản xuất khẩu: 0%;
- Nước sinh hoạt 5%;
- Các dịch vụ khác 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tiền mặt	1.761.824.626	1.038.078.483
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.017.449.230	3.186.743.920
Các khoản tương đương tiền	9.500.000.000	7.500.000.000
Cộng	19.279.273.856	11.724.822.403

Tương đương tiền các khoản tiền gửi Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam bằng VND có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng và lãi suất từ 4% đến 4,8%/năm.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI PHÚ NHUẬN

Địa chỉ: Số 82 Trần Huy Liệu, Phường 15,
Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được chi tiết như sau:

Tại ngày 31/12/2016
VND

	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư cổ phiếu:						
Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí (DPM)	866.505.350	357.600.000	(508.905.350)	866.505.350	465.600.000	(400.905.350)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco (HAP)	837.011.800	147.312.000	(689.699.800)	826.395.900	247.800.000	(578.595.900)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)	478.616.850	372.400.000	(106.216.850)	649.773.200	577.200.000	(72.573.200)
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh (REE)	-	-	-	382.203.125	80.640.000	(301.563.125)
Công ty Cổ phần Gemadept (GMD)	504.780.500	359.235.000	(145.545.500)	241.241.575	82.680.000	(158.561.575)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Chánh (BCI)	120.000	159.600	39.600	112.544.400	40.797.300	(71.747.100)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (STB)	134.456.400	53.798.850	(80.657.550)	134.456.400	74.578.300	(59.878.100)
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVX)	67.134.000	12.000.000	(55.134.000)	67.134.000	15.500.000	(51.634.000)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVS)	222.777.500	172.200.000	(50.577.500)	393.276.700	238.000.000	(155.276.700)
Cộng	3.111.402.400	1.474.705.450	(1.636.696.950)	3.673.530.650	1.822.795.600	(1.850.735.050)

11/12/2016 10:11

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI PHÚ NHUẬN

Địa chỉ: Số 82 Trần Huy Liệu, Phường 15,
Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016			Tại ngày 01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con:						
Công ty Cổ phần Việt Mỹ	4.400.000.000	-	-	4.400.000.000	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ Phú Thịnh	-	-	-	550.000.000	-	-
Cộng	4.400.000.000	-	-	4.950.000.000	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết:						
Công ty CP Phú Hưng Thịnh Gia Lai	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	-	-
Cộng	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	-	-
Tổng cộng	5.400.000.000	-	-	5.950.000.000	-	-

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI PHÚ NHUẬNĐịa chỉ: Số 82 Trần Huy Liệu, Phường 15,
Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Công ty TNHH Higrade Foods Inc	518.811.200	512.600.080
Công ty A&M International Trading	407.142.400	402.268.160
Phải thu các nhà hàng về tiền bán hàng chưa nộp	300.947.000	495.870.800
Các khách hàng khác	119.077.005	109.424.017
Cộng	1.345.977.605	1.520.163.057

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ứng trước cho nhà cung cấp nông sản:		
Công ty TNHH Minh Lâm	63.112.472.308	63.012.472.308
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Minh Anh	14.195.759.487	14.195.759.487
Các đối tượng khác	-	2.980.620.816
Ứng trước cho các nhà cung cấp khác	8.531.295.650	13.795.765.504
Cộng	85.839.527.445	93.984.618.115

5.5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là giá trị khoản cho vay ngắn hạn Công ty CP Việt Mỹ có lãi suất là 10%/năm – Xem thêm mục 8.

5.6. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu lãi cho vay – Xem thêm mục 8	3.314.364.255	-	2.888.331.033	-
Ký cược, ký quỹ	11.071.804.590	-	93.581.543	-
Phải thu về khoản tạm ứng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Kinh doanh nhà Bền Thành theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư kinh doanh số 01/HĐ-2011 ngày 01/07/2011	-	-	20.000.000.000	-
Phải thu khác	1.214.615.459	-	702.391.713	-
Cộng	15.600.784.304	-	23.684.304.289	-
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	-	-	1.358.903.405	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI PHÚ NHUẬN

Địa chỉ: Số 82 Trần Huy Liệu, Phường 15,
Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.7. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	41.718.240.715	32.614.493.318	994.965.300	-

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016 VND			Tại ngày 01/01/2016 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Minh Lâm	31.506.236.154	26.609.415.892	Từ 1-2 năm	-	-	-
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Minh Anh	7.097.879.744	5.994.700.006	Từ 1-2 năm	-	-	-
Các đối tượng khác	3.114.124.817	10.377.420	Trên 3 năm	994.965.300	-	Trên 3 năm
Cộng	41.718.240.715	32.614.493.318		994.965.300	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.8. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	167.330.876	-	170.060.074	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí gia công điều thô	12.055.645.572	-	8.925.739.078	-
Hàng hóa	2.768.968.316	-	3.364.829.849	-
Cộng	14.991.944.764	-	12.460.629.001	-

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chủ yếu là giá trị của hạt điều nguyên liệu được đưa đi gia công theo Hợp đồng gia công số 01/GC-PN-PH ngày 01 tháng 07 năm 2015.

5.9. Tài sản dở dang dài hạn

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Xây dựng cơ bản dở dang:		
Công trình xây dựng 168 Hoàng Văn Thụ	445.454.545	445.454.545
Công trình xây dựng 38 Trương Quốc Dung	433.200.000	433.200.000
Công trình cao ốc văn phòng - Số 128 Hồng Hà	-	9.548.092.296
Khác	1.600.000	1.600.000
Cộng	880.254.545	10.428.346.841

5.10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Tại ngày 01/01/2016 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 31/12/2016 VND
Nhà cửa, vật kiến trúc:				
Nguyên giá	5.891.437.957	-	-	5.891.437.957
Giá trị hao mòn lũy kế	3.289.332.444	174.985.164	-	3.464.317.608
Giá trị còn lại	2.602.105.513			2.427.120.349

Giá trị còn lại cuối kỳ của bất động sản đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay là 2.427.120.349 đồng – Xem thêm mục 5.16.

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê là 192.462.513 đồng.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI PHÚ NHUẬN

Địa chỉ: Số 82 Trần Huy Liệu, Phường 15,
Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2016	88.905.729.486	20.699.063.842	1.930.877.000	10.310.385.246	121.846.055.574
Mua trong năm	-	1.112.399.000	-	-	1.112.399.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.050.922.636)	-	(6.461.612.229)	(7.512.534.865)
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	-	(327.540.000)	-	-	(327.540.000)
Tại ngày 31/12/2016	88.905.729.486	19.601.523.842	1.930.877.000	4.680.249.381	115.118.379.709
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2016	5.524.782.276	1.717.766.482	1.084.922.449	6.004.387.503	14.331.858.710
Khấu hao trong năm	3.784.671.825	2.436.157.488	169.190.904	600.552.100	6.990.572.317
Thanh lý, nhượng bán	-	(366.449.587)	-	(3.325.023.849)	(3.691.473.436)
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	-	(51.421.551)	-	-	(51.421.551)
Tại ngày 31/12/2016	9.309.454.101	3.736.052.832	1.254.113.353	1.254.113.353	17.579.536.040
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2016	83.380.947.210	18.981.297.360	845.954.551	4.305.997.743	107.514.196.864
Tại ngày 31/12/2016	79.596.275.385	15.865.471.010	676.763.647	1.400.333.627	97.538.843.669

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 95.733.184.470 đồng – Xem thêm mục 5.16.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.636.118.391 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI PHÚ NHUẬNĐịa chỉ: Số 82 Trần Huy Liệu, Phường 15,
Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.12. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ngắn hạn:		
Văn phòng Công ty	1.115.212.265	10.476.258.924
Chi phí lãi vay	-	8.343.141.498
Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí khác chờ phân bổ	1.115.212.265	2.133.117.426
Nhà hàng Hoa Viên Tri Kỷ	300.984.257	380.939.531
Chi nhánh Phú Nhuận Plaza	235.775.008	347.972.398
Nhà hàng Tiệc cưới - Hội nghị Phú Nhuận - Tân Phú	-	231.345.308
Nhà hàng Tiệc cưới - Hội nghị Phú Nhuận	230.617.968	209.528.442
Cộng	1.882.589.498	11.646.044.603
Dài hạn:		
Nhà hàng Hoa Viên Tri Kỷ	615.110.272	270.745.643
Nhà hàng Phú Nhuận Plaza	709.890.551	3.396.377.898
Nhà hàng Tiệc cưới - Hội nghị Phú Nhuận - Tân Phú	-	7.285.078.945
Nhà hàng Tiệc cưới - Hội nghị Phú Nhuận	250.208.633	123.759.051
Văn phòng công ty	16.815.409	629.965.032
Dự án Tri Kỷ 2	-	1.571.793.911
Cộng	1.592.024.865	13.277.720.480

5.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Khách hàng đặt cọc tiệc cưới	1.133.500.000	2.240.860.000
Khách hàng trả trước tiền mua thiết bị sửa chữa ô tô	508.900.706	1.015.806.826
Các đối tượng khác	36.000.000	97.400.000
Cộng	1.678.400.706	3.354.066.826

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI PHÚ NHUẬN

Địa chỉ: Số 82 Trần Huy Liệu, Phường 15,
Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2016 VND		Trong năm VND		Tại ngày 31/12/2016 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/ Đã khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	645.168.398	8.565.667.653	8.680.700.102	-	530.135.949
Thuế xuất, nhập khẩu	-	326.517.551	153.462.719	479.980.270	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.412.889.171	17.154.952.904	3.529.501.013	-	16.038.341.062
Thuế thu nhập cá nhân	-	8.321.495	367.006.017	346.181.991	-	29.145.521
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	3.848.559.562	3.831.794.250	-	16.765.312
Các loại thuế khác	2.000.000	-	7.000.000	7.000.000	2.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí	-	-	1.016.343.379	1.016.343.379	-	-
Cộng	2.000.000	3.392.896.615	31.112.992.234	17.891.501.005	2.000.000	16.614.387.844

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.15. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoàn	9.163.767	33.366.877
Cổ phiếu trả chậm của công nhân viên	7.866.000	7.866.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác:	14.084.045.097	89.866.175.533
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc NOVA (*)	10.630.000.000	85.500.000.000
Phải trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Kinh doanh nhà Bến Thành theo hợp đồng số 01/HĐ-2011 ngày 01/07/2011 – Xem thêm mục 8	4.644.866.267	-
Phải trả Công ty TNHH Thuận Kiều	-	3.105.200.000
Phải trả cổ phần hóa	1.073.393.430	1.073.393.430
Phải trả khác	1.543.779.000	187.582.103
Cộng	17.909.068.464	89.907.408.410
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	5.442.958.000	4.573.238.000
Phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Kinh doanh nhà Bến Thành theo hợp đồng số 01/HĐ-2011 ngày 01/07/2011	2.906.854.000	2.906.854.000
Cộng	8.349.812.000	7.480.092.000

(*) Theo Hợp đồng chuyển nhượng dự án số 01/2016/HĐCND/NVLG-PNCo ngày 01/12/2016, Công ty đã chuyển giao quyền làm chủ đầu tư dự án Khu phức hợp Thương mại dịch vụ, văn phòng và căn hộ tại số 128 Hồng Hà, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc NOVA. Khoản tiền ký quỹ thực hiện dự án chuyển nhượng như trên sẽ được hoàn trả cho Công ty CP tập đoàn Đầu tư Địa ốc NOVA.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI PHÚ NHUẬN

Địa chỉ: Số 82 Trần Huy Liệu, Phường 15,
Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.16. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 01/01/2016 VND		Trong năm VND		Tại ngày 31/12/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn:						
Vay ngân hàng	30.036.764.845	30.036.764.845	59.158.419.646	59.392.784.491	29.802.400.000	29.802.400.000
Vay phòng tài chính quận Phú Nhuận	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	5.169.200.000	5.169.200.000	5.380.400.000	5.169.200.000	5.380.400.000	5.380.400.000
Cộng	36.205.964.845	36.205.964.845	64.538.819.646	64.561.984.491	36.182.800.000	36.182.800.000
Vay dài hạn:						
Vay ngân hàng	45.690.450.985	45.690.450.985	-	-	40.521.250.985	40.521.250.985
Trừ nợ dài hạn đến hạn trả	(5.169.200.000)	(5.169.200.000)	(5.380.400.000)	-	(5.380.400.000)	(5.380.400.000)
Cộng	40.521.250.985	40.521.250.985	(5.380.400.000)	-	35.140.850.985	35.140.850.985
Tổng cộng	76.727.215.830	76.727.215.830	59.158.419.646	64.561.984.491	71.323.650.985	71.323.650.985

Các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với lãi suất từ 6,5% đến 8%/năm đối với khoản vay bằng VND và 4,2%/năm đối với khoản vay bằng USD. Các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với lãi suất là 6,5%/năm đối với khoản vay bằng VND và 3,5%/năm đối với khoản vay bằng USD. Khoản vay VND từ Phòng tài chính Quận Phú Nhuận với lãi suất là 14,04%/năm.

Các khoản vay VND dài hạn từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với lãi suất là 11,2%/năm. Các khoản vay VND dài hạn từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với lãi suất là 10%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI PHÚ NHUẬN

Địa chỉ: Số 82 Trần Huy Liệu, Phường 15,
Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Toàn bộ các khoản vay ngắn và dài hạn được đảm bảo bằng:

- Tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 95.733.184.470 đồng – Xem thêm 5.11.
- Bất động sản đầu tư với giá trị còn lại là 2.427.120.349 đồng – Xem thêm mục 5.10.

5.17. Vốn chủ sở hữu**5.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2015	48.000.000.000	17.772.818.183	7.206.775.834	204.006.065	4.848.145.340	78.031.745.422
Tăng vốn trong năm trước	42.000.000.000	-	-	-	-	42.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	7.950.242.484	7.950.242.484
Chia cổ tức	-	-	-	-	(3.360.000.000)	(3.360.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(936.417.905)	(936.417.905)
Giảm khác	-	(228.764.674)	-	-	-	(228.764.674)
Tại ngày 01/01/2016	90.000.000.000	17.544.053.509	7.206.775.834	204.006.065	8.501.969.919	123.456.805.327
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	14.021.750.201	14.021.750.201
Chia cổ tức	-	-	-	-	(4.901.256.575)	(4.901.256.575)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.333.735.923)	(1.333.735.923)
Giảm khác	-	(83.500.000)	-	-	(456.984.505)	(540.484.505)
Tại ngày 31/12/2016	90.000.000.000	17.460.553.509	7.206.775.834	204.006.065	15.831.743.117	130.703.078.525

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.17.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Vốn góp của Nhà nước	27.540.000.000	27.540.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	62.460.000.000	62.460.000.000
Cộng	90.000.000.000	90.000.000.000

5.17.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.901.256.575	3.360.000.000

5.17.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	9.000.000	9.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

5.17.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	7.206.775.834	204.006.065	7.410.781.899
Tại ngày 31/12/2016	7.206.775.834	204.006.065	7.410.781.899

5.18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
Ngoại tệ các loại: USD	2.203,81	2.232,50

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI PHÚ NHUẬNĐịa chỉ: Số 82 Trần Huy Liệu, Phường 15,
Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng	34.616.477.505	30.686.718.904
Doanh thu cung cấp dịch vụ nhà hàng	59.723.213.494	77.947.435.940
Doanh thu cho thuê kho, mặt bằng	15.510.809.096	11.914.318.193
Doanh thu chuyển nhượng dự án	131.450.359.421	-
Doanh thu khác	1.626.467.132	420.411.003
Cộng	242.927.326.648	120.968.884.040

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn hàng hóa	34.487.589.992	30.226.643.987
Giá vốn dịch vụ nhà hàng	26.172.950.359	34.965.631.644
Giá vốn cho thuê kho, mặt bằng	1.159.929.427	1.691.397.792
Giá vốn chuyển nhượng dự án	80.900.809.005	-
Giá vốn khác	1.482.114.897	370.048.875
Cộng	144.203.393.680	67.253.722.298

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi cho vay - Xem thêm mục 8	587.468.748	553.867.189
Lãi đầu tư chứng khoán	-	120.548.287
Lãi tiền gửi ngân hàng	164.992.924	204.356.796
Cổ tức, lợi nhuận được chia	146.660.500	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	11.684.796	43.159.630
Khác	1.073.800	3.739.822
Cộng	911.880.768	925.671.724

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI PHÚ NHUẬN

Địa chỉ: Số 82 Trần Huy Liệu, Phường 15,
Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6.4. Chi phí tài chính**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí lãi vay	14.604.484.627	1.265.280.358
Trích lập (hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán	(214.038.100)	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.089	63.301.983
Lỗ do bán các loại chứng khoán	357.611.350	-
Chi phí tài chính khác	130.733.693	409.023.098
Cộng	14.878.793.659	1.737.605.439

6.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên	11.899.792.715	14.045.483.637
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	5.019.869.211	7.348.640.061
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.634.518.982	2.059.511.198
Thuế, phí và lệ phí	20.301.818	341.200.550
Chi phí thuê mặt bằng	205.483.896	1.756.279.476
Điện, nước, điện thoại	1.852.496.794	3.400.175.490
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	648.620.080	-
Chi phí khuyến mại nhà hàng	380.277.072	3.277.518.623
Chi phí bằng tiền khác	4.448.155.973	2.567.222.558
Cộng	31.109.516.541	34.796.031.593

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.588.876.443	4.856.169.184
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	183.714.838	483.045.936
Chi phí khấu hao tài sản cố định	340.893.143	363.546.552
Thuế, phí và lệ phí	205.219.000	250.536.665
Chi phí dự phòng	10.688.782.097	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	496.213.847	359.095.861
Chi phí tiếp khách, quà tặng	2.761.880.111	98.240.840
Chi phí bằng tiền khác	2.148.340.915	1.658.025.775
Cộng	22.413.920.394	8.068.660.813

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6.7. Thu nhập khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu từ thanh lý nhà hàng tiệc cưới hội nghị Phú Nhuận – Tân Phú	4.468.227.273	-
Thu nhập khác	519.990.902	247.644.229
Cộng	4.988.218.175	247.644.229

6.8. Chi phí khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí phạt vi phạm hành chính	769.786.829	201.100
Lỗ từ thanh lý nhà hàng tiệc cưới hội nghị Phú Nhuận – Tân Phú	4.081.846.467	-
Chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ	8.274.027.098	-
Chi phí khác	308.806.873	45.382.912
Cộng	13.434.467.267	45.584.012

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	60.207.521.133	68.135.304.452
Chi phí nhân công	20.115.868.052	22.980.171.521
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.165.557.481	2.606.687.914
Chi phí (Hoàn nhập) dự phòng	10.688.782.097	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.567.244.617	7.283.525.204
Chi phí khác bằng tiền	18.450.188.473	18.301.184.057
Cộng	120.195.161.853	119.306.873.148

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	22.787.334.050	10.240.595.838
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	7.622.527.131	1.346.278.908
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(359.754.388)	(321.742.793)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	30.050.106.793	11.265.131.953
<i>Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính</i>	<i>(20.499.443.623)</i>	<i>11.265.131.953</i>
<i>Thu nhập tính thuế từ hoạt động chuyển nhượng dự án</i>	<i>50.549.550.416</i>	<i>-</i>
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	22%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh:	10.109.910.083	2.478.329.030
<i>Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>	<i>-</i>	<i>2.478.329.030</i>
<i>Chi phí tính thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng dự án</i>	<i>10.109.910.083</i>	<i>-</i>
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	10.109.910.083	2.478.329.030

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế như:

- Khoản chi không có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật;
- Khoản chi thực tế phát sinh không liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;
- Lãi/ Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện các khoản tiền, công nợ phải thu có gốc ngoại tệ;
- Các khoản tiền phạt về vi phạm hành chính;
- Chênh lệch thời gian phân bổ chi phí giữa thuế và kế toán.

6.11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại, thuế TNDN hoãn lại phải trả của Công ty và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

	Doanh thu nhận trước VND	Chi phí phải trả VND	Chi phí trả trước dài hạn VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2015	31.050.000	19.800.000	(1.552.251.910)	(1.501.401.910)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm trước	(11.768.181)	1.200.000	198.543.858	187.975.676
Tại ngày 01/01/2016	19.281.818	21.000.000	(1.353.708.053)	(1.313.426.234)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh kỳ này	(9.381.819)	-	1.353.708.052	1.344.326.233
Tại ngày 31/12/2016	9.900.000	21.000.000	-	30.900.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	59.158.419.646	136.766.200.156

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(64.561.984.491)	(197.426.270.387)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

1. Công ty Cổ phần Việt Mỹ
2. Công ty TNHH Dịch vụ Phú Thịnh
3. Công ty Cổ phần Phú Hưng Thịnh Gia Lai
4. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

- Công ty con
 Công ty con đến ngày 31 tháng 10 năm 2016
 Công ty liên kết
 Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Việt Mỹ	9.027.039.472	6.326.549.472
Công ty TNHH Dịch vụ Phú Thịnh	-	850.000.000
Cộng – Xem thêm mục 5.5	9.027.039.472	7.176.549.472

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải thu lãi cho vay:		
Công ty Cổ phần Việt Mỹ	3.314.364.255	2.726.895.507
Công ty TNHH Dịch vụ Phú Thịnh	-	161.435.526
Cộng – Xem thêm mục 5.6	3.314.364.255	2.888.331.033

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi cho vay – Xem thêm mục 6.3:		
Công ty Cổ phần Việt Mỹ	587.468.748	553.867.189

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thù lao của Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>
Thù lao và thu nhập	1.601.000.000	1.625.000.000
9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT		
	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>
Thu nhập và các chi phí hoạt động	84.000.000	84.000.000

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Nguyễn Văn Điệp
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Trần Xuân Ánh
Kế toán trưởng

Ngô Ngọc Lâm
Người lập